TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH PHỤ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2022/HNGĐ-ST
Ngày 14 tháng 9 năm 2022
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Gia Khải

2. Ông Đặng Ngọc Tân

- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà*: Ông Nguyễn Đăng Hạnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:* Bà Bùi Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 181/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2022 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66A/2022/QĐXX-ST ngày 29/8/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1980

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

Chỗ ở hiện nay: Số nhà 2x, đường Tr, tổ 2x, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình

2. Bị đơn: Anh Bùi Trung K, sinh năm 1969

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

Chỗ ở hiện nay: Số 45/7x đường số 9x, khu phố 1x, phường H, quận Th, thành phố Hồ Chí Minh.

(Chị Th có mặt, anh K vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu chứng cứ đã xuất trình thì nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Th có yêu cầu khởi kiện và trình bày tại phiên tòa như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Th kết hôn với anh Bùi Trung K do tự

nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình vào ngày 26/11/2002. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại nhà anh K ở thôn T, xã Q, huyện Q. Vợ chồng hòa thuận đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống trong vấn đề làm ăn kinh tế dẫn đến thường xuyên to tiếng, cãi cự nhau. Chị đã cố gắng nhiều để vợ chồng hiểu nhau hơn nhưng không có kết quả. Từ năm 2005 chị và anh K sống ly thân, chị về nhà bố mẹ đẻ ở thị trấn Q, huyện Quỳnh Phụ sinh sống. Ngày 30/5/2012 anh K bị bắt và phải đi chấp hành án phạt tù tại trại giam về tội Mua bán trái phép chất ma túy đến ngày 30/10/2018 mới ra trại. Bản thân chị năm 2015 cũng bị Toà án nhân xử phạt tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy, chị chấp hành xong hình phạt và ra trại vào 26/5/2022. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Th đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh K.

Về con cái: Trong thời kỳ hôn nhân, chị Th có sinh cháu Bùi Trung B sinh ngày 15/7/2013. Mặc dù giấy khai sinh ghi anh K là cha đẻ của cháu B nhưng chị khẳng định cháu B là con riêng của chị, không phải là con chung với anh K. Điều này phù hợp với kết quả giám định ADN mà Tòa án trưng cầu giám định. Vì vậy chị đề nghị Tòa án xét xử xác định chị và anh K không có con chung, cháu Bùi Trung B là con riêng của chị. Anh K không có nghĩa vụ gì liên quan đến việc nuôi dưỡng cháu B.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Th trình bày chị và anh K không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Tại bản tự khai ngày 22/8/2022 và tại phiên hoà giải ngày 29/8/2022, anh Bùi Trung K trình bày như sau:

Về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn như chị Nguyễn Thị Th trình bày là đúng, anh chị chung sống hoà thuận được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hoà hợp, hai bên đều có cái tôi quá lớn, không chia sẻ, cảm thông với nhau. Anh và chị Th đã ly thân từ năm 2005 đến nay. Nay chị Th xin ly hôn, anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh nhất trí ly hôn với chị Th.

Về con cái: Đúng như chị Th trình bày. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, chị Th có sinh cháu Bùi Trung B vào năm 2013. Mặc dù giấy khai sinh ghi anh là cha đẻ của cháu B nhưng anh khẳng định cháu B không phải là con chung của anh với chị Th vì thời gian chị Th mang thai, sinh con anh đang phải chấp hành án tại Trại giam Thanh Cẩm, Thanh Hóa (từ ngày 30/5/2012 đến ngày 30/10/2018), vợ chồng hoàn toàn không gặp gỡ nhau. Điều này cũng được chứng minh bằng kết quả giám định ADN theo quyết định trưng cầu giám định ngày 22/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ. Vì vậy anh đề nghị Tòa án xét xử xác định anh và chị Th không có con chung. Anh không có quyền, nghĩa vụ gì liên quan đến việc nuôi dưỡng cháu B.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh K trình bày anh và chị Th không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Tại 02 Phiếu kết quả phân tích AND số: KQ2204725 và KQ2206005 ngày 24/8/2022 do Công ty cổ phần dịch vụ phân tích di truyền thực hiện theo theo Quyết định trưng cầu giám định số 02/2022/QĐ-TCGĐ ngày 22/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ ngày 22/8/2022 xác định: Giữa chị Nguyễn Thị Th và cháu Bùi Trung B có quan hệ huyết thống Mẹ - Con; giữa anh Bùi Trung K và cháu Bùi Trung B không có quan hệ huyết thống Cha – Con.

- Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình có quan điểm cho rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng. Về ý kiến giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, Điều 55, Điều 88, Điều 89, Điều 100 của Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa chị Nguyễn Thị Th và anh Bùi Trung K là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình, hiện sinh sống tại thành phố Hồ Chí Minh nhưng đã có đơn lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình giải quyết nên Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt, vì vậy Tòa án căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc thu thập chứng cứ, xác minh về tình trạng hôn nhân, con cái. Vì vậy đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà là đúng theo Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, hôn nhân của chị Nguyễn Thị Th và anh Bùi Trung K được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn và chung sống được khoảng 02 năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng ít quan tâm, chia sẻ với nhau. Nay chị Th xin ly hôn, anh K cũng nhất trí (thể hiện tại bản tự khai, biên bản hòa giải và đơn đề nghị xét xử vắng mặt), cả hai đều xác định vợ chồng không có khả năng đoàn tụ vì đã ly thân từ năm 2005 đến nay. Như vậy, có cơ

sở xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử cần công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Th và anh K là phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con cái: Trong thời kỳ hôn nhân, chị Th có sinh cháu Bùi Trung B sinh ngày 15/7/2013, theo Điều 88 Luật Hôn nhân và gia đình thì cháu B được xác định là con chung của chị Th và anh K (thể hiện trong giấy khai sinh của cháu B) nhưng cả hai anh chị đều khẳng định anh chị không có con chung, cháu B là con riêng của chị Th. Tại kết quả giám định ADN mà Tòa án trưng cầu giám định cũng thể hiện anh K và cháu B không có quan hệ huyết thống Cha - Con. Vì vậy Hội đồng xét xử hoàn toàn có đủ cơ sở để xác định chị Th và anh K không có con chung, cháu Bùi Trung B là con riêng của chị Th. Chị Th có quyền và nghĩa vụ nuôi dưỡng cháu B, không đặt ra vấn đề nuôi và cấp dưỡng cháu B đối với anh K.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Th và anh K đều không yêu cầu Toà án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Về chi phí giám định: Chị Nguyễn Thị Th đã tự nguyện nộp toàn bộ chi phí giám định ADN cho Công ty cổ phần dịch vụ phân tích di truyền và không có yêu cầu đề nghị gì liên quan đến chi phí này nên không đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Th phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 55, Điều 88, Điều 89, Điều 100 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Th và anh Bùi Trung K.

2. Về quan hệ con cái: Chị Th và anh K không có con chung. Cháu Bùi Trung B, sinh ngày 15/7/2013 là con riêng của chị Th. Chị Th, anh K có quyền liên hệ với cơ quan đăng ký hộ tịch có thẩm quyền để ghi chú theo quy định của pháp luật về hộ tịch.

3. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra để giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Th phải nộp 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)*án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(ba*

trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0004794 ngày 22/8/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình. Chị Th đã nộp đủ tiền án phí.

Chị Nguyễn Thị Th có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Bùi Trung K có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ bản án./.

***Nơi nhận**:*
- *VKSND tỉnh Thái Bình;*
- *VKSND huyện Quỳnh Phụ;*
- *Chi cục THADS huyện Quỳnh Phụ;*
- *UBND xã Q ĐKKH);*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ, VP.*

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Lê Thị Phượng